

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PHẠM THỊ CHUNG THỦY

GIẢI PHÁP
CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số : 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học: **TS. NINH THỊ THU THỦY**

Đà Nẵng – Năm 2011

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phát triển kinh tế được quyết định bởi nhân tố con người nói chung và lực lượng lao động nói riêng, vì tăng trưởng và phát triển kinh tế tùy thuộc trước hết vào năng lực, trí tuệ và ngành nghề của người lao động.

Chuyển dịch CCLĐ tạo điều kiện để chuyển dịch cơ cấu kinh tế. CCLĐ phù hợp sẽ thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, làm cho nền kinh tế phát triển.

Theo tổng điều tra dân số và nhà ở 1/4/2009, dân số trong độ tuổi lao động của Bình Định chiếm 57,3% dân số, tuy nhiên CCLĐ nhìn chung chưa hợp lý và chất lượng lao động thấp.

Sự dịch chuyển CCLĐ tỉnh Bình Định chưa phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Vấn đề cấp thiết đặt ra là phải có giải pháp hợp lý để chuyển dịch CCLĐ tỉnh Bình Định đáp ứng được mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh trong thời gian đến. Vì vậy, tôi đã chọn đề tài “*Giải pháp chuyển dịch cơ cấu lao động tỉnh Bình Định*” làm luận văn tốt nghiệp.

2. Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu vì sao phải chuyển dịch CCLĐ, chuyển dịch CCLĐ cần phải đáp ứng những yêu cầu gì.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu các vấn đề lý luận về CCLĐ, chuyển dịch CCLĐ. Nghiên cứu thực trạng chuyển dịch CCLĐ tỉnh Bình Định trong giai đoạn 10 năm 2001-2010, từ đó đánh giá những hạn chế và đề xuất các giải pháp có hiệu quả cho quá trình chuyển dịch CCLĐ tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2015.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Luận văn đi sâu nghiên cứu sự chuyển dịch CCLĐ theo trình độ chuyên môn kỹ thuật và sự chuyển dịch

CCLĐ theo ngành kinh tế trong mối quan hệ với cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Phạm vi nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu trên cơ sở kết quả của các cuộc điều tra thống kê trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến 2010.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin trong kinh tế chính trị học; Các chính sách, chủ trương phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định đến năm 2015.

Luận văn còn sử dụng các phương pháp như: tiếp cận hệ thống, nguyên tắc lý luận gắn liền với thực tiễn, thống kê, so sánh, phân tích...

6. Ý nghĩa thực tiễn của luận văn

Nghiên cứu mối quan hệ giữa chuyển dịch CCLĐ và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; Xu hướng chuyển dịch CCLĐ trong giai đoạn 2011-2015.

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng quá trình chuyển dịch CCLĐ trên địa bàn tỉnh Bình Định từ năm 2000 đến năm 2010.

Đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm góp phần thúc đẩy quá trình chuyển dịch CCLĐ trên địa bàn tỉnh Bình Định đến 2015.

7. Kết cấu đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, luận văn gồm ba chương:

Chương I: Cơ sở lý luận về chuyển dịch CCLĐ;

Chương II: Thực trạng chuyển dịch CCLĐ tỉnh Bình Định giai đoạn 2000 – 2010;

Chương III: Định hướng và giải pháp chuyển dịch CCLĐ tỉnh Bình Định đến năm 2015.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG

1.1. CƠ CẤU LAO ĐỘNG

1.1.1. Khái niệm, phân loại CCLĐ

1.1.1.1. Khái niệm

CCLĐ là tổng thể các mối quan hệ tương tác giữa các bộ phận lao động trong tổng nguồn lao động xã hội và được biểu hiện thông qua những tỷ lệ nhất định.

CCLĐ là phạm trù kinh tế xã hội, phản ánh hình thức cấu tạo bên trong của tổng thể lao động, sự tương quan giữa các bộ phận và mối quan hệ giữa các bộ phận đó. Đặc trưng của CCLĐ là mối quan hệ tỷ lệ về mặt số lượng lao động theo những tiêu chí nhất định.

1.1.1.2. Phân loại CCLĐ

CCLĐ có thể được chia làm hai loại: cơ cấu cung về lao động và cơ cấu cầu về lao động. CCLĐ có thể được chia theo khu vực thành thị – nông thôn; CCLĐ theo độ tuổi; CCLĐ theo trình độ; CCLĐ theo ngành kinh tế, CCLĐ theo nội bộ ngành.

Ngoài ra, CCLĐ làm nhiều loại khác nhau như CCLĐ theo giới tính, độ tuổi, thành phần kinh tế...

1.1.2. Đặc điểm của CCLĐ

Là một phạm trù kinh tế – xã hội, CCLĐ có những đặc điểm cơ bản, đó là tính khách quan, tính lịch sử và tính xã hội.

1.2. CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG

1.2.1. Khái niệm chuyển dịch CCLĐ

Chuyển dịch cơ cấu lao động là sự thay đổi về số lượng và chất lượng lao động trong một không gian và thời gian nhất định. Chuyển dịch cơ cấu lao động là quá trình phân phối, bố trí lao động theo những quy luật, những xu hướng tiến bộ, nhằm mục đích sử dụng đầy đủ và có hiệu quả cao các nguồn nhân lực để tăng trưởng và phát triển.

Chuyển dịch cơ cấu lao động là sự thay đổi trong mối quan hệ giữa các bộ phận hợp thành nguồn lực nhằm tạo ra một cơ cấu lao động mới phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội trong từng thời kỳ

1.2.2. Vai trò của chuyển dịch CCLĐ

1.2.2.1. Chuyển dịch CCLĐ tạo điều kiện thúc đẩy phát triển KT

1.2.2.2. Chuyển dịch CCLĐ tạo điều kiện thúc đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH

1.2.2.3. Chuyển dịch CCLĐ góp phần cải thiện điều kiện sống của người lao động

1.2.3. Nội dung chuyển dịch CCLĐ

1.2.3.1. Chuyển dịch cơ cấu số lượng lao động

Chuyển dịch cơ cấu số lượng lao động làm thay đổi tỷ trọng lao động giữa các bộ phận trong cơ cấu như thay đổi cơ cấu lao động theo ngành kinh tế, cơ cấu lao động theo vùng... Sự chuyển dịch cần phải bảo đảm tạo ra cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế trong từng thời kỳ phát triển, xóa bỏ khoảng cách khá xa giữa cơ cấu lao động còn lạc hậu với cơ cấu kinh tế

1.2.3.2. Chuyển dịch cơ cấu chất lượng lao động

Chuyển dịch cơ cấu chất lượng lao động đó là sự thay đổi về trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, thể lực, ý thức, thái độ và tinh thần trách nhiệm trong lao động.

1.2.3.3. Các phương thức chuyển dịch CCLĐ

- Nếu theo mức độ tích tụ, tập trung của các nguồn lực, chuyển dịch CCLĐ sẽ diễn ra từ chỗ lấy việc tập trung lao động làm chính, chuyển sang lấy việc tập trung vốn làm yếu tố kích thích sản xuất, sau đó lấy việc tập trung kỹ thuật làm nội dung cơ bản để chuyển dịch lao động.

- Nếu theo khả năng tiếp nhận thành quả của cách mạng khoa học kỹ thuật thì chuyển dịch CCLĐ diễn ra trước tiên từ chỗ lấy khả năng giải quyết việc làm cho lao động là chính, sang giai đoạn lấy việc

nâng cao trình độ nhận thức và kỹ năng làm việc cho lao động làm mục tiêu cơ bản.

- Nếu theo mức độ gia tăng của giá trị đầu ra, chuyển dịch CCLĐ sẽ diễn ra từ chỗ ban đầu có giá trị đầu ra thấp đến các giai đoạn sau có giá trị đầu ra cao.

- Nếu căn cứ vào không gian di chuyển của lao động thì chuyển dịch CCLĐ có thể diễn ra theo hai phương thức: chuyển dịch CCLĐ tại chỗ, đây là sự chuyển dịch của lao động ngay trong địa bàn nông thôn; hoặc chuyển dịch CCLĐ kèm theo sự di cư.

1.2.4. Các tiêu chí đánh giá chuyển dịch CCLĐ

1.2.4.1. Chuyển dịch cơ cấu lao động về mặt lượng

Sự chuyển dịch CCLĐ về mặt lượng được đánh giá bằng sự thay đổi tỷ trọng của các bộ phận trong cơ cấu lao động. Xu hướng và tốc độ biến đổi tỷ trọng lao động giữa các ngành là căn cứ để đánh giá quá trình dịch chuyển có phù hợp không.

1.2.4.2. Chuyển dịch cơ cấu lao động về mặt chất

- Hệ số co giãn của lao động theo GDP

Chuyển dịch CCLĐ gắn liền với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Bằng cách tính hệ số co giãn của lao động theo GDP (e) ta có thể phân tích mối quan hệ giữa thay đổi GDP với thay đổi lao động trong nền kinh tế.

$$e = \frac{l}{g}$$

Trong đó: - e: hệ số co giãn của lao động theo GDP;

- l: tốc độ tăng trưởng lao động;

- g: tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Phương pháp này có ý nghĩa trong việc xác định mối quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng lao động và tốc độ tăng trưởng kinh tế. Nó cho biết khi GDP thay đổi 1% thì l phải thay đổi bao nhiêu %. Nếu $e > 0$ thì g và l thay đổi cùng chiều, nếu $e < 0$ thì g và l thay đổi ngược

chiều. Nếu e càng nhỏ chúng tỏ để đạt được 1% tăng trưởng thì nền kinh tế sử dụng càng ít lao động và ngược lại. Có hai yếu tố cơ bản dẫn đến hiện tượng nền kinh tế sử dụng lao động ít hơn là: sự phát triển của khoa học công nghệ dẫn đến việc giảm quy mô lao động của các ngành kinh tế, có sự phân bố nguồn lực hợp lý, lao động đã có sự di chuyển từ ngành sử dụng nhiều lao động sang ngành sử dụng ít lao động.

Hệ số co giãn của lao động theo GDP là một yếu tố quan trọng phản ánh tính hiệu quả trong việc sử dụng và phân bố nguồn lao động; Có sự liên hệ chặt chẽ giữa hệ số co giãn của lao động theo GDP và quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động.

1.3. CÁC ĐIỀU KIỆN ĐỂ CHUYỂN DỊCH CCLĐ

1.3.1. Điều kiện tự nhiên

Tài nguyên thiên nhiên có vai trò quan trọng để phát triển kinh tế, sự phong phú tài nguyên sẽ tạo ra những cơ hội như: thu hút đầu tư vào các ngành, địa phương có lợi thế, tập trung lao động để sản xuất...

1.3.2. Chính sách phát triển kinh tế

Việc thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước sẽ tác động đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ đó các ngành kinh tế sẽ tạo ra lực hút cần thiết tạo ra luồng dịch chuyển lao động từ ngành này sang ngành khác.

1.3.3. Sự phát triển của các ngành kinh tế

Các ngành kinh tế phát triển sẽ cho giá trị sản xuất cũng như năng suất lao động cao, dẫn đến thu nhập bình quân của người lao động sẽ cao hơn các ngành khác. Đây là một trong những yếu tố lôi cuốn lao động từ các ngành phát triển kém hơn sang tham gia lao động ở ngành phát triển cao hơn.

1.3.4. Quy mô và chất lượng nguồn lao động

Quy mô của lực lượng lao động lớn sẽ đáp ứng được yêu cầu về số lượng lao động để mở rộng quy mô các ngành kinh tế.

Chất lượng nguồn nhân lực cũng là yếu tố có ý nghĩa quan trọng với quá trình chuyển dịch CCLĐ.

1.3.5. Vốn và cơ cấu vốn đầu tư

Quy mô vốn đầu tư ở từng ngành khác nhau thì yêu cầu về lao động cũng khác nhau, yếu tố này tác động đến sự chuyển dịch CCLĐ.

1.3.6. Sự phát triển của khoa học công nghệ

Dưới tác động của khoa học công nghệ, xã hội chuyển từ lao động giản đơn là chủ yếu sang lao động bằng máy móc. Nhờ đó tăng năng suất lao động và giảm một cách tương đối số lượng lao động được sử dụng trong các ngành kinh tế, dẫn đến sự thay đổi về lao động giữa các ngành và làm CCLĐ thay đổi.

1.3.7. Cơ sở hạ tầng kinh tế

Cơ sở hạ tầng kinh tế là yếu tố rất quan trọng có tác động lớn đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế cũng như CCLĐ.

1.4. CÁC MÔ HÌNH VÀ XU HƯỚNG CHUYỂN DỊCH CCLĐ

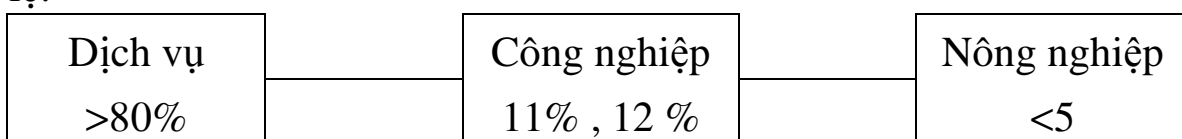
1.4.1. Các mô hình chuyển dịch CCLĐ

1.4.1.1. Quy luật tăng năng suất lao động của A. Fisher

Biểu 1.1: Quy luật đổi mới kỹ thuật và tăng NSLĐ (Fisher)

Ngành	Tác động của khoa học kỹ thuật	Xu hướng sử dụng lao động
Nông nghiệp	Dễ thay thế lao động	Giảm cầu lao động
Công nghiệp	Khó thay thế lao động	Cầu lao động tăng
Dịch vụ	Khó thay thế lao động nhất	Cầu lao động tăng nhanh nhất

A.Fisher đã chỉ ra xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành khi đến một trình độ cao sẽ là dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp với một tỷ lệ:



1.4.1.2. Mô hình di cư của Todaro

Học thuyết của Todaro mô tả vấn đề di cư từ nông thôn ra thành thị như một cơ chế điều chỉnh mà qua đó quyết định đến việc phân bổ trên các thị trường lao động nông thôn và thành thị, đặc biệt là sự di chuyển lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, từ đó tác động đến quy mô lao động của các ngành kinh tế.

1.4.1.3. Mô hình hai ngành của Arthur Lewis

Mô hình 2 ngành của Lewis xây dựng trên cơ sở khả năng dịch chuyển lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và nhu cầu thu hút lao động của ngành công nghiệp theo khả năng tích lũy vốn của ngành này.

1.4.1.4. Mô hình của Harry T. Oshima

Harry T. Oshima đã đưa ra hướng đầu tư phát triển nền kinh tế theo 3 giai đoạn với những mục tiêu và nội dung phát triển khác nhau.

1.4.2. Xu hướng chuyển dịch CCLĐ

Theo quy luật phát triển đòi hỏi quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa sẽ diễn ra và lao động dịch chuyển từ nông nghiệp sẽ tập trung nhiều vào công nghiệp và kế tiếp là dịch vụ. Xu hướng lao động sẽ chuyển dịch từ nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ và tùy theo giai đoạn phát triển thì CCLĐ sẽ khác nhau.

Các ngành công nghiệp và dịch vụ là những ngành đòi hỏi cao về chất lượng lao động. Như vậy, quá trình chuyển dịch CCLĐ phải gắn liền với việc nâng cao chất lượng lao động trong cả ba ngành kinh tế với mức độ khác nhau.

Chương 2

THỰC TRẠNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2000 – 2010

2.1. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN CHUYỂN DỊCH CCLĐ CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

Tỉnh Bình Định thuộc vùng Duyên hải Nam Trung bộ, mặt dù có những nguồn lợi về tài nguyên thiên nhiên nhưng vì điều kiện đất đai có độ phì kém, địa hình hẹp bị chia cắt nên Bình Định cần có chính sách phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp dịch vụ theo hướng sử dụng các nguồn tài nguyên lợi thế của địa phương.

2.1.2. Chính sách phát triển kinh tế của tỉnh

Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ XVIII đã định hướng phát triển kinh tế: phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, tiếp tục tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của tỉnh. Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng CNH-HĐH gắn với giải quyết tốt vấn đề nông thôn, nông dân. Đẩy mạnh xuất khẩu, nâng cao hiệu quả các hoạt động thương mại, dịch vụ.

2.1.3. Sự phát triển kinh tế của tỉnh Bình Định

Biểu 2.1: Tốc độ tăng GDP tỉnh Bình Định theo giá so sánh 94

(Đvt: %)

	Toàn bộ nền kinh tế	Chia ra		
		Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp, xây dựng	Dịch vụ
- Thời kỳ 2001 - 2005	8,9	5,7	12,9	10,6
- Thời kỳ 2006 - 2010	10,9	7,2	15,4	11,6
- Sơ bộ 2010	10,2	7,7	13,7	10,0

Nguồn: Niên giám thống kê Bình Định 2010 – Cục Thống kê BĐ

Biểu 2.2: Cơ cấu GDP theo ngành kinh tế của tỉnh Bình Định
(Đvt: %)

Năm	Tổng số	Chia ra		
		Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp, xây dựng	Dịch vụ
Năm 1990	100,0	60,3	6,6	33,1
Năm 2000	100,0	42,3	22,6	35,1
Năm 2005	100,0	38,3	26,7	35,0
Sơ bộ năm 2010	100,0	35,7	27,2	37,1

Nguồn: Niên giám thống kê Bình Định 2010 – Cục Thống Kê BĐ

2.1.4. Quy mô và chất lượng nguồn lao động

Lao động tham gia làm việc trong nền kinh tế ngày càng tăng, tỷ trọng lao động làm việc ở ngành phi nông nghiệp tăng lên, tình trạng thất nghiệp được hạn chế ở mức thấp.

So với năm 1999, số lao động đang làm việc chưa từng đi học đã giảm xuống đáng kể từ 8,87% xuống còn 1,35% trong CCLĐ, đồng thời lao động đã tốt nghiệp THCS và THPT đã tăng lên rất nhiều.

2.1.5. Vốn và cơ cấu vốn đầu tư

Tỉnh Bình Định đã có nhiều chính sách khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế xã hội. Nhờ vậy, tổng số vốn đầu tư phát triển năm 2010 theo giá thực tế ước đạt 9.928 tỷ đồng, gấp 5,52 lần so với năm 2000.

2.1.6. Khoa học công nghệ

Trong 10 năm (2001-2010) hoạt động khoa học công nghệ đã tập trung vào việc nghiên cứu, ứng dụng nhằm sử dụng có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, góp phần tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

2.1.7. Cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng luôn luôn được chú trọng đầu tư phát triển để tạo tiền đề cho những năm phát triển kế tiếp.

Quy mô đô thị ngày càng rộng, tốc độ đô thị hoá nhanh đã làm diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp dẫn đến xuất hiện một lượng lớn lao động dư thừa ở nông thôn, hiện tượng này đã tác động đến quá trình chuyển dịch CCLĐ.

2.2. THỰC TRẠNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG TỈNH BÌNH ĐỊNH

2.2.1. Chuyển dịch cơ cấu số lượng lao động

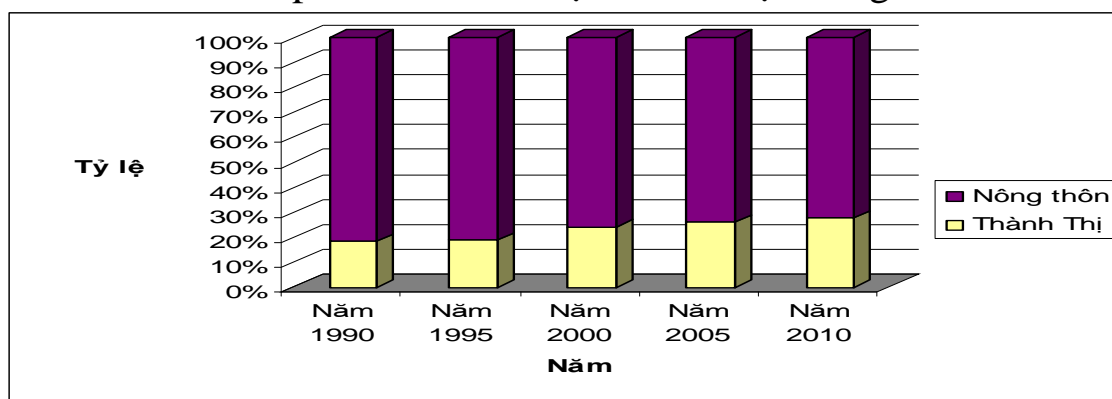
2.2.1.1. Chuyển dịch cơ cấu theo nhóm tuổi

Dân số tỉnh Bình Định tham gia lực lượng lao động năm 2010 tăng 131,8 triệu người so với năm 1999. Có 56,01% dân số đang trong độ tuổi lao động, nguồn lao động trẻ, dồi dào là một lợi thế lớn của tỉnh.

2.2.1.2. Chuyển dịch CCLĐ theo khu vực TT, NT

Nhìn chung lao động vẫn tập trung chủ yếu ở nông thôn.

Hình 2.6. CCLĐ phân theo khu vực thành thị - nông thôn



2.2.1.3. Chuyển dịch cơ cấu theo thành phần kinh tế

Theo thành phần kinh tế, năm 2010 lao động làm việc trong thành phần kinh tế Nhà nước chiếm 5,8%, lao động ngoài nhà nước chiếm 94,0%, lao động làm việc ở thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 0,2%, tăng 0,2%.

2.2.1.4. Chuyển dịch cơ cấu theo nhóm ngành kinh tế

* Sự thay đổi tỷ trọng LĐ của các ngành trong nền KT

Biểu 2.8: CCLĐ tỉnh Bình Định chia theo ngành kinh tế

(Đvt: %)

	Tổng số	Chia ra		
		Nông, lâm, thủy sản	Công nghiệp, Xây dựng	Dịch vụ
- Năm 2000	100,0	73,3	10,8	15,9
- Năm 2005	100,0	64,7	15,5	19,8
- Sơ bộ 2010	100,0	58,3	19,3	22,4

Nguồn: Niên giám thống kê Bình Định 2010 – Cục Thống Kê Bình Định

* Năng suất lao động xã hội

Năng suất lao động xã hội (GDP/ Lao động) của tỉnh Bình Định còn rất thấp năm 2010 đạt khoảng 31,8 triệu đồng/người/năm.

Năng suất lao động trong ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản thấp là do số lao động trong ngành nông lâm thủy sản chiếm tỷ trọng lớn nhất (58,3%), thời gian chưa sử dụng còn nhiều. Ngành công nghiệp có số lượng lao động chiếm tỷ trọng thấp (19,3%), tính gia công và khai thác nguyên nhiên vật liệu còn cao, giá trị tăng thêm thấp, tỷ trọng doanh nghiệp có công nghệ thấp còn lớn. Năng suất lao động các ngành dịch vụ tuy cao hơn mức chung, nhưng không đáng kể.

Năng suất lao động thấp còn do chất lượng lao động mà biểu hiện trước hết ở tỷ lệ lao động đã qua đào tạo còn rất thấp và tăng rất chậm.

* Tương quan giữa chuyển dịch CCLĐ và chuyển dịch CCKT

CCLĐ theo ngành kinh tế với tư cách là một trong các yếu tố tác động trực tiếp đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, do đó việc phân tích sự tương quan giữa CCLĐ theo ngành kinh tế và cơ cấu ngành kinh tế là rất cần thiết. Dựa vào số liệu về GDP và lao động của tỉnh Bình Định, Luận văn tính được hệ số e:

Biểu 2.10. Hệ số co giãn của lao động theo GDP 2001 – 2010

Năm	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010
(e)	0,53	0,25	0,21	0,18	0,17	0,16	0,15	0,18	0,22	0,16

Nguồn: Niên giám thống kê Bình Định 2010 và tính toán của tác giả

Hệ số co giãn cao nhất là vào năm 2001 ($e = 0,53$), thấp nhất là vào năm 2007 ($e = 0,15$). Từ năm 2008 đến năm 2009 hệ số co giãn có xu hướng tăng, năm 2010 hệ số co giãn có xu hướng giảm xuống. Hệ số co giãn của lao động theo GDP biến động không đều qua các năm. Một mặt chứng tỏ nhu cầu lao động cho tăng trưởng không ổn định. Mặt khác, cho thấy tính hiệu quả và sự phân bố nguồn lao động của Bình Định qua các năm còn thiếu sự ổn định và bền vững. Đây cũng là lý do cần phải có những giải pháp cho chuyển dịch cơ cấu lao động của Tỉnh Bình Định.

2.2.1.4. Thực trạng chuyển dịch CCLĐ trong nội bộ từng nhóm ngành kinh tế

*** Ngành Nông nghiệp**

Cơ cấu giá trị sản xuất nội bộ ngành nông, lâm, thủy sản chuyển dịch chậm và thiếu ổn định, vì cho đến nay hoạt động sản xuất ngành nông nghiệp và thủy sản còn phụ thuộc khá nhiều vào các yếu tố tự nhiên.

Nhìn chung, xu hướng chuyển dịch lao động nội bộ ngành nông nghiệp vẫn chưa hợp lý.

*** Ngành Công nghiệp**

Quá trình chuyển dịch CCLĐ trong nội bộ công nghiệp chưa phù hợp với xu thế chuyển dịch vì một trong những tiêu chí đánh giá sự hợp lý và tiến bộ của quá trình chuyển dịch đó là tỷ trọng lao động của ngành công nghiệp chế biến phải có xu hướng tăng theo thời gian.

*** Ngành Dịch vụ**

Giai đoạn 2000-2010 tỷ trọng giá trị tăng thêm ngành dịch vụ giảm dần qua các năm nhưng cơ cấu lao động có sự biến động không đáng kể.

2.2.2. Chuyển dịch cơ cấu chất lượng lao động

2.2.2.1. Chuyển dịch cơ cấu theo trình độ học vấn

Biểu 2.12. CCLĐ theo trình độ học vấn

	Năm 1999		Năm 2009	
	Lao động (1000 người)	Cơ cấu (%)	Lao động (1000 người)	Cơ cấu (%)
Tổng số	700,8	100,00	818,2	100,00
Chưa đi học	62,1	8,87	11,1	1,35
Chưa tốt nghiệp tiểu học	121,2	17,29	147,6	18,04
Tốt nghiệp tiểu học	315,4	45,01	322,9	39,46
Tốt nghiệp THCS	150,7	21,51	203,6	24,89
Tốt nghiệp THPT	51,3	7,32	133	16,25

Nguồn: Tổng điều tra dân số và nhà ở – Cục Thống kê Bình Định

2.2.2.2. Chuyển dịch cơ cấu theo trình độ chuyên môn kỹ thuật

Tỷ trọng lao động chưa qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật ở Bình Định vẫn còn cao, chiếm 89,4% trong tổng số lao động đang làm việc.

Biểu 2.13. CCLĐ theo trình độ chuyên môn kỹ thuật

	Năm 1999		Năm 2009	
	Lao động (1000 người)	Cơ cấu (%)	Lao động (1000 người)	Cơ cấu (%)
Tổng số	700,8	100,00	818,2	100,00
Không có CMKT	661,1	94,34	731,6	89,41
Sơ cấp	12,3	1,76	21,4	2,61
Trung cấp	14,5	2,06	26,5	3,24
Cao đẳng	3,7	0,52	7,1	0,87
Đại học và trên đại học	9,2	1,32	31,7	3,87

Nguồn: Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009 – Cục Thống kê Bình Định

2.3. NHỮNG HẠN CHẾ TRONG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG BÌNH ĐỊNH VÀ NGUYÊN NHÂN

2.3.1. Những hạn chế

Theo độ tuổi, cơ cấu dân số tỉnh Bình Định nằm trong nhóm trung niên. Có hiện tượng lao động trẻ chuyển đi địa phương khác để có công việc có thu nhập cao hơn. CCLĐ theo độ tuổi có xu hướng chuyển dần sang CCLĐ già.

Theo trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nhìn chung, đội ngũ "lao động chất xám" còn thiếu về số lượng và yếu kém về chất lượng.

Theo loại hình sở hữu, khu vực đầu tư nước ngoài có năng suất lao động cao nhất là nhưng quy mô và tỷ trọng lao động thấp nhất.

Chuyển dịch CCLĐ theo ngành kinh tế chưa thật sự hiệu quả và đáp ứng nhu cầu lao động ở các khu vực kinh tế.

2.3.2. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến những hạn chế trong quá trình chuyển dịch CCLĐ

2.3.2.1. Chất lượng nguồn lao động thấp

Lực lượng lao động của Bình Định trẻ và dồi dào nhưng trình độ tay nghề và chuyên môn kỹ thuật thấp.

2.3.2.2. Thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước

Việc thu hút vốn đầu tư vào các ngành công nghiệp, dịch vụ còn chậm. Cơ chế chính sách thu hút, kiểm soát đầu tư còn nhiều hạn chế.

2.3.2.3. Quá trình phát triển khu công nghiệp, cụm tiểu thủ công nghiệp, làng nghề vẫn còn gặp nhiều khó khăn

Hiện nay các khu, cụm công nghiệp vẫn trong tình trạng thiếu các doanh nghiệp đầu tư.

Bình Định là một tỉnh có nhiều làng nghề truyền thống từ lâu đời nhưng hoạt động của các làng nghề truyền thống vẫn còn gặp không ít khó khăn, nhỏ lẻ và hiệu quả chưa tương xứng với tiềm năng.

2.3.2.4. Ngành xây dựng phát triển chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh

Vì trình độ chuyên môn thấp mà ngành xây dựng Bình Định đã bỏ mất cơ hội giải quyết việc làm cho lao động trong ngành xây dựng.

2.3.2.5. Tốc độ phát triển ngành dịch vụ còn chậm và không ổn định

Tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ chậm và không ổn định. Tỷ trọng ngành dịch vụ (theo giá ss) dịch chuyển chậm qua các năm.

2.3.2.6. Quy mô doanh nghiệp, cơ sở sản xuất cá thể nhỏ, sản xuất không ổn định

2.3.2.7. Năng lực của các trung tâm giới thiệu việc làm còn hạn chế

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHUYỂN DỊCH CCLĐ TỈNH BÌNH ĐỊNH ĐẾN NĂM 2015

3.1. NHỮNG CĂN CỨ CHUYỂN DỊCH CCLĐ TỈNH BÌNH ĐỊNH

3.1.1. Quy hoạch và định hướng phát triển KT-XH tỉnh Bình Định

3.1.1.1. Quy hoạch phát triển KT-XH tỉnh Bình Định đến 2020

Mục tiêu tổng quát:

Tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, CCLĐ, quy mô đô thị theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tương đối tỷ trọng nông, lâm, thủy sản trong cơ cấu kinh tế.

3.1.1.2. Định hướng phát triển tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 - 2015

Các chỉ tiêu chủ yếu

Tổng sản phẩm địa phương (GDP) tăng bình quân hàng năm 13 - 14%; GDP bình quân đầu người năm 2015 trên 2.000 USD. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm bình quân hàng năm các ngành: nông lâm - ngư nghiệp tăng 6,5%; công nghiệp - xây dựng tăng 19,6% (Riêng giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 20,7%); dịch vụ tăng 12,7%. Cơ cấu kinh tế (năm 2015): nông - lâm - ngư nghiệp 26,2%, công nghiệp và xây dựng 36,1%, dịch vụ 37,7%.

Tỉ lệ lao động qua đào tạo và bồi dưỡng nghề đạt 55%.

Mỗi năm giải quyết 25.000 - 30.000 việc làm mới cho người lao động.

3.1.2. Dự báo dân số và lao động đến năm 2015

Theo Kết quả dự báo dân số cho cả nước, các vùng địa lý - kinh tế và 63 tỉnh/thành phố Việt Nam, 2009-2049 (Tổng Cục Thống kê), từ nay đến năm 2015 quy mô dân số tăng dần với nhịp độ khoảng 0,21%/năm, lao động tăng 1,57%/năm. Như vậy, từ nay cho đến năm 2015, lực lượng lao động của Bình Định khá dồi dào tạo điều kiện

thuận lợi trong việc huy động các nguồn lực để phát triển kinh tế. Vấn đề đặt ra là tỉnh Bình Định cần có một CCLĐ hợp lý để sử dụng nguồn lực lao động này có hiệu quả nhất.

3.1.3. Định hướng chuyển dịch CCLĐ

Theo định hướng phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bình Định thì đến năm 2015 cơ cấu kinh tế theo ngành nông nghiệp – công nghiệp – dịch vụ là 26,2% – 36,1% - 37,7%. Như vậy, chuyển dịch CCLĐ của Bình Định phải đảm bảo phù hợp với cơ cấu kinh tế đó. Chuyển dịch CCLĐ Bình Định trong giai đoạn 2011 – 2015 phải theo định hướng sau:

Tỷ trọng lao động trong ngành nông nghiệp cần phải giảm dần. Tăng năng suất lao động trong nông nghiệp để đảm bảo GDP ngành nông nghiệp phải tăng lên qua các năm, bảo đảm lương thực, nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến với hiệu quả cao, tăng thu nhập cho người lao động.

Theo quy luật phát triển đòi hỏi quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa sẽ diễn ra và lao động dịch chuyển từ nông nghiệp sẽ tập trung nhiều vào công nghiệp và kế tiếp là dịch vụ.

Chuyển dịch CCLĐ nông nghiệp của Bình Định phải theo phương thức chuyển dịch tại chỗ, đảm bảo được mục tiêu “Ly nông bất ly hương” mà Đảng và Nhà nước đang đặt ra.

Ngành công nghiệp và dịch vụ trong giai đoạn 2011 – 2015 phải có những giải pháp sử dụng có hiệu quả lao động từ ngành nông nghiệp chuyển sang. Còn đối với dịch vụ, tỷ trọng lao động các ngành dịch vụ kinh doanh có tính chất thị trường ngày càng tăng.

Chuyển dịch CCLĐ của Bình Định trong giai đoạn 2011 – 2015 phải được gắn liền với sự thay đổi về chất lượng lao động. Việc tăng tỷ trọng lao động trong các ngành công nghiệp và dịch vụ phải được giải quyết đồng thời với việc tăng tỷ trọng lao động có chất lượng.

3.1.4. Mục tiêu chuyển dịch cơ cấu lao động

3.1.4.1. Chuyển dịch CCLĐ theo trình độ chuyên môn

Với định hướng đến năm 2015 tỉ lệ lao động Bình Định qua đào tạo và bồi dưỡng nghề đạt 55% và có quan hệ tỷ lệ giữa 3 loại trình độ chuyên môn kỹ thuật: Đại học và trên đại học - Trung học chuyên

nghiệp - Công nhân kỹ thuật là: 1 - 3 - 5, Luận văn lập bảng CCLĐ phân theo trình độ chuyên môn như sau:

Biểu 3.2. CCLĐ phân theo trình độ chuyên môn đến năm 2015

	Năm 2009		Năm 2015		Năm 2015 so năm 2009 (nghìn người)
	Lao động (nghìn người)	Cơ cấu (%)	Lao động (nghìn người)	Cơ cấu (%)	
Tổng số	818,2	100	900	100	73,1
Không có chuyên môn kỹ thuật	731,6	89,41	405,0	45	-326,6
Sơ cấp	21,4	2,61	51,7	5,74	30,3
Trung cấp	26,5	3,24	270,9	30,1	244,4
Cao đẳng	7,1	0,87	123,1	13,68	116,0
Đại học và trên đại học	31,7	3,87	49,3	5,48	17,6

3.1.4.2. Chuyển dịch CCLĐ theo ngành kinh tế

Căn cứ vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định đến 2020 tỉnh Bình Định cần thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, CCLĐ, với mục tiêu cụ thể Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII đã đề ra Luận văn xác định hướng chuyển dịch CCLĐ của tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2015 như sau:

Ngành nông nghiệp cần phải áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất, giảm lao động trong trồng trọt để chuyển sang sản xuất ở những ngành khác như chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản có giá trị cao và tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Việc chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành nông nghiệp vừa đảm bảo sản lượng từ trồng trọt tăng lên nhờ năng suất lao động tăng lên vừa làm cho sản lượng từ chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản tăng, góp phần làm tăng GDP của ngành nông nghiệp.

Khi năng suất lao động trong nông nghiệp tăng lên, lao động trong nông nghiệp dư thừa, cần phải có các giải pháp để thu hút số lao động này sang các ngành công nghiệp xây dựng, thương mại dịch vụ. Do đó, cần phải có các giải pháp để sử dụng hiệu quả lực lượng lao động trong các ngành này.

Căn cứ xác định mục tiêu chuyển dịch CCLĐ theo ngành kinh tế đó là kế hoạch chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và yếu tố năng suất lao động của các ngành trong nền kinh tế. Theo đó, cần tiến hành theo các bước như sau:

Bước 1: Xác định năng suất lao động kỳ gốc (NS_0) theo công thức

$$NS_0 = \frac{Y_0}{L_0}$$

- Y_0 : GDP kỳ gốc; - L_0 : Tổng số lao động đang làm việc kỳ gốc

Bước 2: Dự báo tốc độ tăng năng suất kỳ kế hoạch (P_k)

Bước 3: Tính năng suất lao động kỳ kế hoạch (NS_k)

Bước 4: Tính tổng số lao động kỳ kế hoạch (L_k)

$$L_k = \frac{Y_k}{NS_k}$$

Thực hiện các bước trên ta tính được lao động theo ngành kinh tế của tỉnh Bình Định từ năm 2011 đến năm 2015. Khi đó CCLĐ từ năm 2011 đến năm 2015 sẽ là:

Biểu 3.4. CCLĐ phân theo ngành kinh tế đến năm 2015

(Đ.v.t: %)

	Dự tính các năm 2011 - 2015							
	2000	2005	Sơ bộ 2010	2011	2012	2013	2014	2015
Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
I/ Nông Lâm Thủy sản	73,3	64,7	58,3	52,9	48,5	45,1	42,6	40,2
II/ Công nghiệp - XD	10,8	15,5	19,3	22,6	25,4	27,7	29,3	30,8
III/ Thương mại - Dịch vụ	15,9	19,8	22,4	24,4	26,0	27,2	28,2	28,9

Hệ số co giãn của lao động theo GDP (e) theo công thức đã nêu ở chương I sẽ nằm ở mức 0,12 từ năm 2011 đến năm 2015.

3.2. GIẢI PHÁP CHUYỂN DỊCH CCLĐ ĐẾN NĂM 2015

3.2.1. Nâng cao chất lượng lao động

Để phát triển kinh tế phải chuẩn bị một nguồn lao động bảo đảm về số lượng, chất lượng, và ở trong một cơ cấu hợp lý. Để giải quyết vấn đề này cần thiết phải có các giải pháp sau:

3.2.1.1. Thực hiện phổ cập trung học cơ sở và phát triển giáo dục trung học phổ thông

Việc phổ cập trung học cơ sở và phát triển giáo dục trung học phổ thông nhằm tạo tiền đề, tạo nguồn để đào tạo nghề cho người lao động.

3.2.1.2. Quy hoạch mạng lưới đào tạo nghề và kế hoạch đào tạo nghề

Đào tạo nghề chủ yếu nên hướng đến đối tượng lao động từ 15 - 22 tuổi đang chuẩn bị bước vào thị trường lao động.

3.2.1.3. Gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm

Đào tạo nghề phải thực sự gắn với thị trường lao động, đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Tạo điều kiện cho người học nghề có cơ hội tìm được việc làm sau khi ra trường.

3.2.2. Thu hút các thành phần kinh tế tham gia phát triển kinh tế

Tỉnh Bình Định cần có các chính sách thu hút đầu tư của các doanh nghiệp, tư nhân trong nước và đầu tư nước ngoài để tăng tỷ trọng lao động ngoài khu vực nhà nước và nước ngoài.

3.2.2.1. Tạo các mối liên kết phát triển kinh tế có tính khu vực và quốc tế

Thông qua các chương trình hợp tác phát triển liên tỉnh hoặc liên vùng, xúc tiến quan hệ liên kết với các tỉnh, thành phố khác để hình thành nên các mối quan hệ liên kết kinh tế đơn ngành, để giảm thiểu những nguy cơ xung đột với các địa phương khác trong việc mở rộng thị trường tiêu thụ và cạnh tranh trên thị trường nguyên liệu.

3.2.2.2. Tăng cường các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân

Tăng cường các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân sẽ thúc đẩy họ mạnh dạn đầu tư vào các lĩnh vực cần ưu tiên phát triển.

3.2.2.3. Nâng cao năng suất lao động trong thành phần KT tư nhân

Tỉnh Bình Định cần tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho thành phần kinh tế tư nhân phát triển bình đẳng với các thành phần kinh tế khác. Cần có những chính sách khuyến khích người lao động trong khu vực này nâng cao trình độ chuyên môn, khoa học kỹ thuật để ứng dụng vào sản xuất.

3.2.3. Chuyển dịch CCLĐ ngành nông lâm nghiệp thủy sản

3.2.3.1. Nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp

Để tăng năng suất lao động trong nông nghiệp cần phải đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp và nâng cao trình độ chuyên môn cho lao động nông nghiệp

3.2.3.2. Chuyển dịch CCLĐ trong nội bộ ngành nông -lâm -ngư nghiệp

Mục tiêu chuyển dịch CCLĐ trong nội bộ ngành nông nghiệp Bình Định trong thời gian đến là chuyển dịch CCLĐ giữa nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng dần tỷ trọng lao động trong các ngành chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, giảm dần lao động trong ngành nông nghiệp.

3.2.4. Chuyển dịch lao động ngành công nghiệp- xây dựng

Theo tính toán của luận văn, giai đoạn 2011- 2015 ngành công nghiệp, xây dựng Bình Định phải giải quyết việc làm cho khoảng 116,5 nghìn lao động, đồng thời năng suất lao động phải tăng thêm 6,5%/năm trong giai đoạn 2011-2015. Để đạt được mục tiêu trên tỉnh Bình Định cần:

3.2.4.1. Phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh

Bình Định xác định sản xuất đồ gỗ là ngành công nghiệp mũi nhọn và đang xây dựng trở thành ngành có thương hiệu mạnh, mang tính cạnh tranh cao và đẩy mạnh phát triển ngành lâm nghiệp một cách bền vững.

Trong thời gian đến Bình Định cần nghiên cứu phát triển thêm các ngành mũi nhọn như chế biến thủy sản, may mặc, sản xuất vật liệu xây dựng để góp phần giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động, đẩy nhanh việc chuyển dịch CCLĐ theo hướng hợp lý.

3.2.4.2. Phát triển các ngành công nghiệp chế biến

Tỉnh cần ưu tiên phát triển công nghiệp dựa trên các lợi thế của tỉnh là: chế biến thủy sản, nông sản, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng; đồng thời tiếp tục đẩy mạnh các ngành sản xuất: tân dược, giày da, may mặc, công nghiệp thực phẩm. Các ngành công nghiệp chế biến đá granite, chế biến hạt điều... các doanh nghiệp cần tiếp tục tập trung đổi mới công nghệ, thiết bị nhằm nâng cao chất lượng, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường...

3.2.4.3. Thu hút các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước nhằm phát triển nhanh các khu công nghiệp

Tỉnh Bình Định cần phải tích cực khai thác nguồn vốn tích lũy bên trong và đẩy nhanh tốc độ thu hút các nguồn đầu tư bên ngoài bằng cách đưa ra những chính sách hợp lý nhằm đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư.

Song song với các biện pháp trên, cần cải thiện dần môi trường đầu tư trong đó coi trọng môi trường pháp lý và môi trường xã hội để tạo ra sức hấp dẫn của Tỉnh Bình Định đối với các nhà đầu tư.

3.2.4.4. Đầu tư phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề

Đầu tư phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp là tiền đề quan trọng nhất để phát triển công nghiệp đồng thời tạo điều kiện phát triển các ngành dịch vụ từ đó đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

Phát triển làng nghề truyền thống và tiểu thủ công nghiệp là hướng đến sử dụng lao động nông thôn, nhằm giải quyết thời gian lao động nhàn rỗi ở nông thôn, vừa tránh được tình trạng người lao động

nông nghiệp do thiếu việc làm trong thời gian nông nhàn phải di chuyển đến các địa phương khác tìm việc.

3.2.5. Chuyển dịch lao động ngành dịch vụ

3.2.5.1 Chuyển dịch lao động từ ngành nông - lâm - ngư nghiệp sang ngành dịch vụ

Chuyển dịch CCLĐ ngành nông lâm nghiệp sang ngành dịch vụ nên được thực hiện ngay tại các vùng sản xuất nông nghiệp bằng cách phát triển các dịch vụ phục vụ nông nghiệp và nông thôn. Phát triển dịch vụ ở nông thôn là điều kiện thuận lợi để thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo, giảm dần sự cách biệt chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn, đặc biệt là sẽ làm giảm áp lực lao động ở nông thôn đổ về thành thị tìm việc làm.

3.2.5.2 Chuyển dịch CCLĐ trong nội bộ ngành dịch vụ

Phát triển ngành cần dựa vào chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển toàn ngành dịch vụ. Xác định được một cách khoa học các phân ngành dịch vụ mũi nhọn, các nhóm ngành dịch vụ ưu tiên và thứ tự ưu tiên đầu tư, quy mô và tốc độ phát triển các phân ngành dịch vụ, vai trò của các dịch vụ hạ tầng, hệ thống các giải pháp phát triển dịch vụ của toàn vùng duyên hải Miền Trung và cho riêng Bình Định.

3.2.5.3. Đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa

Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu là một hướng phát triển quan trọng để giải quyết vấn đề đầu ra của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Với nghiên cứu “*Giải pháp chuyển dịch cơ cấu lao động tỉnh Bình Định*” luận văn đã góp phần làm rõ một số vấn đề sau:

Luận văn đã hệ thống hoá những vấn đề có tính chất lý luận và phương pháp luận về chuyển dịch cơ cấu lao động, các tiêu chí đánh giá chuyển dịch cơ cấu lao động, mối quan hệ giữa chuyển dịch cơ cấu lao động và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, các nhân tố ảnh hưởng, và phương pháp luận đánh giá quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động. Mặt khác, Luận văn cũng chứng minh về sự cần thiết phải chuyển dịch cơ cấu lao động thông qua lý thuyết của các nhà kinh tế học.

Bằng việc sử dụng các tư liệu, số liệu đáng tin cậy kết hợp với các công cụ phân tích thống kê, trên cơ sở vận dụng hệ thống lý luận, Luận văn đã phân tích thực trạng, tổng kết các thành tựu và hạn chế, đồng thời chỉ ra nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động ở Bình Định giai đoạn 2001 – 2010.

Từ việc phân tích thực trạng, Luận văn đã đưa ra những kết luận quan trọng về quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động của tỉnh Bình Định giai đoạn 2001 – 2010 và chỉ ra các nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong chuyển dịch cơ cấu lao động của Bình Định những năm qua .

Cuối cùng, xuất phát từ những căn cứ mang tính thực tiễn kết hợp với các nội dung đã được làm rõ trong Chương 1 và Chương 2, Luận văn đã đưa ra những định hướng, mục tiêu và các giải pháp cụ thể góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động đến năm 2015 phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

2. Kiến nghị

Để có cơ cấu lao động phù hợp Bình Định cần có những chính sách nâng cao chất lượng nguồn lao động. Bên cạnh đó, Bình Định cũng cần phải có những chính sách thúc đẩy các ngành công nghiệp, dịch vụ phát triển hơn nữa để thu hút lao động nông nghiệp sang các ngành này và làm cho các ngành này phát triển mạnh mẽ, theo kịp với sự phát triển của cả khu vực và cả nước.